



BÀI TẬP TÌNH HUỐNG

QUY TẮC XUẤT XỨ TRONG CPTPP



Đà Nẵng, 11.2019

BÀI 1:

XÁC ĐỊNH XUẤT XỨ CỦA QUẢ XOÀI?



**Cây giống NK
từ Đài Loan**



**Trồng và thu
hoạch tại Việt Nam**



0804.50

BÀI 2:

XÁC ĐỊNH XUẤT XỨ CỦA TƯỢNG ĐÁ?



Đá thạch anh



Tượng đá

**XÁC ĐỊNH TIÊU CHÍ XUẤT XỨ CỦA
- CHẬU GỐM (HS. 691490)?**

BÀI 3:



**Đất sét (HS. 250830)
Việt Nam**



Chậu gốm đất nung (HS. 691490)

XÁC ĐỊNH XUẤT XỨ CỦA:

BÀI 4:

- PHI LÊ CÁ?
- BỘT CÁ?



**Cá hồi Na Uy
(HS 030313)**



Việt Nam



Nhật Bản

Phi lê HS: 030452



Mexico



Bột cá HS: 230120

GỢI Ý BÀI 4

Chương 3. Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác

➤ 0304.51 CTH

➤ **0304.52** Đối với cá hồi đở ((Sockeye or *Oncorhynchus nerka*), cá hồi Thái Bình Dương (*Oncorhynchus gorbuscha* (Pink or Humpback salmon), *Oncorhynchus keta* (Chum or Dog salmon), *Oncorhynchus tshawytscha* (King or Chinook salmon), *Oncorhynchus kisutch* (Silver or Coho salmon), *Oncorhynchus masou* (Cherry salmon), *Oncorhynchus rhodurus* (Biwa masu)), cá hồi Đại Tây Dương (*Salmo salar*) hoặc cá hồi sông Đa-nuýp (*Hucho Hucho*) thuộc phân nhóm 0304.52: **CC**;

➤ Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 0304.99: CTH;

➤ 0304.53 Đối với cá tuyết thuộc loài *angustimanus* (Panama hake) hoặc *productus* (North Pacific hake) thuộc phân nhóm 0304.53: CC;
Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 0304.53: CTH.

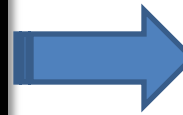
XÁC ĐỊNH XUẤT XỨ CỦA:

- CHÂN CUA HOÀNG ĐẾ RANG ME?

BÀI 5:



Cua Hoàng Đế Alaska đông lạnh
(HS. 030614)



Chân Cua Hoàng Đế rang me
(HS. 160510)

Chương 16. Các chế phẩm từ thịt, cá hay động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác

➤

➤ 16.05 CC

BÀI 6:

XÁC ĐỊNH TIÊU CHÍ XUẤT XỨ CỦA

- **VÁN GỖ GHÉP (HS. 441899)?**
- **BỘT GỖ (HS. 440500)**



**Gỗ (HS. 440349)
NK từ Indonesia**



Ván gỗ ghép (HS. 441899)



Bột gỗ (HS. 440500)

Chương 44. Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than từ gỗ

- 44.01 - 44.21 CTH

BÀI 7:

XÁC ĐỊNH TIÊU CHÍ XUẤT XỨ CỦA **TÚI NHỰA?**



**Màng nhựa PET
(HS 392062)**



**Màng nhựa CPP
(HS 392020)**



**Phiến nhựa
(HS 392190)**



**Mực in
(HS 321511)**



**Túi nhựa đựng rau củ quả
(HS 392329)**

GỢI Ý BÀI 7

Chương 39. Plastic và các sản phẩm bằng plastic

- 39.08 - 39.15 CTH, với điều kiện trọng lượng polyme có xuất xứ không thấp hơn 50% tổng trọng lượng polyme của sản phẩm; hoặc RVC không thấp hơn:
 - a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc
 - b) 45% theo công thức tính gián tiếp.

- 3916.10 - 3916.90 CTSH

- 3917.10 - 3917.40 CTSH

- 39.18 CTH

- 39.19 - 39.20 CTH; hoặc RVC không thấp hơn:
 - a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc
 - b) 40% theo công thức tính gián tiếp.

- 3921.11 - 3921.90 CTSH

- **39.22 - 39.26 CTH**

BÀI 8:**XÁC ĐỊNH TIÊU CHÍ XUẤT XỨ CỦA ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG
(HS 85171200)**

STT	Tên NPL	Mã HS	Trị giá NPL	Xuất xứ
1	Linh kiện điện tử	854890	4	Hàn Quốc
2	Đi ốt	854110	2	Trung Quốc
3	Vi mạch	854239	5	Hong Kong
4	Camera	852580	16	Đài Loan
5	Loa	851829	1	Úc
6	Micro	851810	1	Mỹ
7	Màn hình	851770	40	Chi Lê
8	Nắp che pin	851770	9	Nhật
9	Tấm tản nhiệt	741022	6	Việt Nam
10	Mạch in mềm	851770	18	Singapore



GỢI Ý BÀI 8

Chương 85. Máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên

➤ **8516.90** CTH; hoặc RVC không thấp hơn:
a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc
b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc
c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.16.

➤ **8517.11 - 8517.69** CTSH

➤ **8517.70** CTH; hoặc RVC không thấp hơn:
a) 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc
b) 40% theo công thức tính gián tiếp; hoặc
c) 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 85.17.

Bài 9:

**XUẤT KHẨU ĐI CANADA, GIÁ 680 USD.
XÁC ĐỊNH TIÊU CHÍ XUẤT XỨ CỦA GIÀY (HS 640399)?**



STT	Tên NPL	Mã HS	Trị Giá NPL (USD)	Xuất Xứ
1	Da bò thuộc	410799	32	Nhập từ Ấn Độ
2	Vải	600690	18	Mua Việt Nam
3	Đế nhựa	640690	57	Nhập từ Đài Loan
4	Cao su	400299	6	Nhập từ Hàn Quốc

GỢI Ý BÀI 9

Chương 64. Giày, dép, ghệt và các sản phẩm tương tự; các bộ phận của các sản phẩm trên

➤ 64.02 CC; hoặc CTH, ngoại trừ từ nhóm 64.01, 64.03 đến 64.05, phân nhóm 6406.10 hoặc các bộ phận của mũ giày (trừ loại bằng gỗ) thuộc phân nhóm 6406.90, với điều kiện RVC không thấp hơn:

- a) 45% theo công thức tính trực tiếp; hoặc
- b) 55% theo công thức tính gián tiếp.

➤ **64.03** CC; hoặc CTH, ngoại trừ từ nhóm 64.01 đến 64.02 hoặc 64.04 đến 64.05, phân nhóm 6406.10 hoặc các bộ phận của mũ giày (trừ loại bằng gỗ) thuộc phân nhóm 6406.90, với điều kiện RVC không thấp hơn:

- a) 45% theo công thức tính trực tiếp; hoặc
- b) 55% theo công thức tính gián tiếp.

BÀI 10:

XÁC ĐỊNH XUẤT XỨ CỦA XE ĐẨY NHÀ BẾP (HS. 871680), TRỊ GIÁ 600 USD

ST T	Tên NPL	Mã H.S	Trị giá	Xuất xứ
1	Bánh xe	871690	118	Trung Quốc
2	Ván	441011	224	Úc (Có C/O CPTPP)
3	Sắt	730419	80	Hong Kong
4	Thép	730419	12	Nhật (có TỰ CNXX)



GỢI Ý BÀI 10

Chương 87. Xe cộ trừ phương tiện chạy trên đường xe lửa hoặc xe điện, và các bộ phận và phụ kiện của chúng.

- 8716.10 - 8716.20 CTH; hoặc RVC không thấp hơn:
 - a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc
 - b) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc
 - c) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 87.16.

XÁC ĐỊNH TIÊU CHÍ XUẤT XỨ CỦA QUẦN DÀI NAM (HS 620343)

Cty May NB nhập khẩu vải dệt thoi chéo từ vi sợi tổng hợp (microfiber) 100% polyeste, trọng lượng 175g/m², được xử lý màu đào bằng hóa học (chemical peachec) (HS 540752) từ Thái Lan

➡ về VN để cắt, may và hoàn thiện sản phẩm quần dài nam (HS 620343) theo loại hình SXXK

➡ xuất sang Canada.

Sản phẩm trên có được cấp C/O mẫu CPTPP không?



GỢI Ý BÀI 11

Chương 62. Quần áo và các hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc

Chú giải Chương:

1. Để xác định xuất xứ hàng hóa thuộc Chương này, Quy tắc xuất xứ hàng hóa chỉ áp dụng với bộ phận quyết định mã số hàng hóa của hàng hóa đó và bộ phận này phải đáp ứng quy tắc Chuyển đổi mã số hàng hóa trong Quy tắc cụ thể mặt hàng quy định cho hàng hóa này.

2. Không xét đến quy định tại Chú giải 1 Chương này, trường hợp sử dụng vải thuộc phân nhóm 5806.20 hoặc nhóm 60.02, hàng hóa thuộc Chương này, ngoại trừ hàng hóa thuộc phân nhóm 6212.10, chỉ có xuất xứ khi vải này được dệt và hoàn thiện từ sợi đã xe và hoàn thiện tại lãnh thổ của một hoặc nhiều Nước thành viên.

3. Không xét đến quy định tại Chú giải 1 Chương này, trường hợp sử dụng chỉ may thuộc nhóm 52.04, 54.01 hoặc 55.08, hoặc sử dụng sợi thuộc nhóm 54.02 làm chỉ may, hàng hóa thuộc Chương này chỉ có xuất xứ khi chỉ may này được xe và hoàn thiện tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.

➤ 62.01 - 62.08 CC, ngoại trừ từ nhóm 51.06 đến 51.13, 52.04 đến 52.12 hoặc 54.01 đến 54.02, phân nhóm 5403.33 đến 5403.39 hoặc 5403.42 đến 5403.49, hoặc nhóm **54.04 đến 54.08**, 55.08 đến 55.16, 58.01 đến 58.02 hoặc 60.01 đến 60.06, với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc dệt thành hình, hoặc cả hai, và được may hoặc ghép bằng cách khác tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.

GỢI Ý BÀI 11 (TT)

Phụ lục VIII DANH MỤC NGUỒN CUNG THIẾU HỤT

1. Danh mục tạm thời:

STT	Mô tả nguồn cung thiếu hụt	Yêu cầu sản phẩm đầu ra
1	Vải băng lông 100% polyeste có cấu trúc dệt kim tròn thuộc phân nhóm 6001.92, trọng lượng không quá 271 g/m ²	
2	Vải dệt chéo từ vi sợi tổng hợp (microfiber) 100% polyeste, trọng lượng từ 170 - 237 g/m ² , được xử lý màu đào bằng hóa học (chemically peached) thuộc phân nhóm 5407.52 hoặc phân nhóm 5407.61	Quần dài, quần soóc, hoặc váy ngắn bằng vải dệt thoi thuộc nhóm 6203 hoặc nhóm 6204
3	Vải dệt thoi chéo 100% ni lông thuộc nhóm 54.07, chỉ số sợi 70 x 160 denier, 155 x 90 sợi/inch vuông, trọng lượng 115 g/m ²	Quần dài nam, trừ loại chống thấm nước, thuộc phân nhóm 6203.43
4	Vải ghép (Bonded fabric) thuộc nhóm 60.01, gồm 1 mặt vải vân điểm 82 - 88% ni lông, 12% - 18% sợi đàn hồi, và mặt sau vải chải lông 100% polyeste, trọng lượng từ 254 - 326 g/m ² , đã được xử lý chống thấm nước sao cho lượng nước thấm ít hơn 1.0 gram sau 2 phút ngâm nước dưới áp suất cột nước 600 mm theo phương pháp kiểm tra AATCC 35	Quần áo loại chống thấm nước dành cho nam giới hoặc phụ nữ thuộc Chương 61
5	Vải dệt dobby hoặc vải pô-pơ-lin (poplin) 100% polyeste, thuộc nhóm 54.07, trọng lượng 67 - 78 g/m ² , đã được xử lý chống thấm nước sao cho lượng nước thấm ít hơn 1.0 gram sau 2 phút ngâm nước dưới áp suất cột nước 600 mm theo phương pháp kiểm tra AATCC 35	Áo khoác ngoài cách nhiệt, chống thấm nước dành cho phụ nữ hoặc trẻ em gái thuộc phân nhóm 6202.13 hoặc phân nhóm 6202.94
6	Sợi từ xơ bông, chưa đóng gói để bán lẻ, thuộc nhóm 52.06, có trên 50% xơ bông và ít nhất 35% xơ acrylic, không bao gồm sợi có chỉ số sợi 67 nm hoặc mảnh hơn đối với sợi đơn, hoặc có chỉ số mỗi danh sợi 135 nm hoặc mảnh hơn đối với sợi xe	Quần áo và phụ kiện thuộc chương 61, trừ bít tất ngắn, bít tất mắt cá chân và bít tất dệt kim dành cho trẻ nhỏ thuộc nhóm 61.11 và bít tất dệt kim thuộc nhóm 61.15

BÀI 12:

XÁC ĐỊNH TIÊU CHÍ XUẤT XỨ CỦA ÁO (HS. 620343)



BÔNG
• HS.
520100

Mỹ



SỢI
• HS.
520500

**Cty TNHH
sợi A (VN)**



VẢI
• HS.
520822

**Cty CP
dệt B (VN)**



ÁO
• HS.
620342

**Cty may
mặc C
(VN)**

GỢI Ý BÀI 12



BÔNG

• HS.
520100



SỢI

• HS.
520500



VẢI

• HS.
520822



ÁO

• HS.
620342

➤ **52.01** - 52.03: CC

➤ 54.01 - 54.06:
CC, ngoại trừ từ
nhóm **52.01** đến
52.03, 55.01
đến 55.07 hoặc
55.09 đến
55.11.

➤ 5208:

CTH, ngoại trừ từ
nhóm 51.06 đến
51.13, **52.05** đến
52.07, 52.09 đến
52.12 hoặc 54.01 đến
54.02, phân nhóm
5403.33 đến 5403.39
hoặc 5403.42 đến
5403.49, hoặc nhóm
54.04 đến 54.08 hoặc
55.09 đến 55.16.

➤ 62.01 - 62.08: CC, ngoại
trừ từ nhóm 51.06 đến
51.13, **52.04 đến 52.12**
hoặc 54.01 đến 54.02,
phân nhóm 5403.33 đến
5403.39 hoặc 5403.42 đến
5403.49, hoặc nhóm 54.04
đến 54.08, 55.08 đến
55.16, 58.01 đến 58.02
hoặc 60.01 đến 60.06, với
điều kiện sản phẩm được
cắt hoặc dệt thành hình,
hoặc cả hai, và được may
hoặc ghép bằng cách khác
tại lãnh thổ của một hoặc
nhiều Nước thành viên.

CỤC XUẤT NHẬP KHẨU – BỘ CÔNG THƯƠNG

PHÒNG XUẤT XỬ HÀNG HÓA

54 Hai Bà Trưng, Hà Nội / Tel.: 024.2220 2468

E-mail: co@moit.gov.vn

PHÒNG QUẢN LÝ XUẤT NHẬP KHẨU KHU VỰC TP.HỒ CHÍ MINH

ĐC: 12 NGUYỄN THỊ MINH KHAI, P.ĐA KAO, Q.1, TP.HỒ CHÍ MINH

ĐT: 028.39151432; EMAIL: XNKTPHOCHIMINH@MOIT.GOV.VN



..... JUST WANTED TO SAY
THANK YOU
..... FOR ALL YOU'VE DONE

© 2014 Stampin' Up! Inc.
www.stampinup.com
Designed by
Connie Stewart
www.stampinup.com